

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến là Thư ký TAND huyện Đắc Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Dương Bảo C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 08/02/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Dương Bảo C kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, trong quá trình chung sống anh C không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình. Từ những lý do trên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C ngày một trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn đã không sống chung với nhau được 06 năm nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị T và anh C có 02 con chung là Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2016, chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi mỗi tháng là 3.500.000 đồng (1.750.000 đồng/01 con chung).

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2022 bị đơn là anh Dương Bảo C bày:

- *Về hôn nhân*: Anh Dương Bảo C và chị Nguyễn Thị Thủy T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M. Anh C thừa nhận việc sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa anh C và chị T không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T thêm trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau được 06 năm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thủy T.

Về con chung: Anh C thừa nhận anh và chị T có 02 con chung là Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2016. Anh C chấp nhận giao 02 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C chấp nhận cấp dưỡng nuôi 02 con chung Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2016 hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.500.000 đồng (1.750.000 đồng/01 con chung).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo

quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao 02 con chung là Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2001 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.500.000 đồng (1.750.000 đồng/01 con chung)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Bị đơn là anh Dương Bảo C có nơi cư trú tại thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên các đương sự đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (BL 27; 41). Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Dương Bảo C kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắk Lao theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 03/4/2013. Như vậy, theo quy định tại

Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Xét lý do chị T yêu cầu ly hôn anh C là vì sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh C không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C ngày càng trở lên trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau được 06 năm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân xã L nơi chị T và anh C cư trú thì những mâu thuẫn giữa chị T và anh C là đúng sự thật.

Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C thường nảy sinh mâu thuẫn, anh C không biết chăm lo cho gia đình, không yêu thương chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chị T và anh C đã không còn sống chung với nhau được 06 năm điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh C không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C cũng đồng ý ly hôn chị T, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Đối với 02 con chung là Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2016. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, từ khi chị T và anh C không còn sống chung thì các con chung đều do chị T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến nay. Anh C cũng chấp nhận giao các con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử thấy rằng giao các con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là cần thiết, đảm bảo được các quyền lợi cho con chung và phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng muốn được ở với mẹ của con chung Dương Bảo Nguyên K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi mỗi tháng là 3.500.000 đồng (1.750.000 đồng/01 con chung), anh C chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Dương Bảo C có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Dương Bảo C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T ly hôn anh Dương Bảo C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Bảo Nguyên K, sinh ngày 12/5/2013 và Dương Lâm P, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Dương Bảo C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi mỗi tháng là 3.500.000 đồng (1.750.000 đồng/01 con chung).

Ngày cấp dưỡng: Ngày thứ 15 hàng tháng, tính từ ngày 15/6/2022.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Dương Bảo C có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil theo biên lai số 0000768, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Buộc anh Dương Bảo C phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội